

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-PT  
Ngày 11 – 01 – 2023  
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 297/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 265/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Dư Mỹ L2, sinh năm 1965 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Bà Dư Mỹ L2, là bị đơn; ông Phạm Văn K, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Ngày 28/6/2019 âm lịch, bà mở dây hụi loại hụi 3.000.000 đồng, dây hụi gồm 33 phần; bà Dư Mỹ L2 tham gia 03 phần, trong danh sách hụi ghi tên “Chê Lê”.

Đến kỳ khai hụi tháng 11/2019, bà L2 bỏ hụi 1.030.000 đồng và hốt phần hụi thứ nhất, số tiền là 64.250.000 đồng, trừ tiền còn 1.500.000 đồng, bà L2 nhận 62.750.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà L2 đóng lại hụi chết đến tháng 3/2021 âm lịch thì ngưng không đóng tiếp. Bà L2 còn nợ tiền hụi chết chưa đóng từ tháng 4/2021 âm lịch đến mãn hụi tháng 02/2022 âm lịch là 11 tháng x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng.

Đến kỳ khai tháng 4/2020, bà L2 bỏ hụi 1.050.000 đồng và hốt phần hụi thứ hai, số tiền là 67.950.000 đồng, trừ tiền còn 1.500.000 đồng, bà L2 nhận 66.450.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà L2 đóng lại hụi chết đến tháng 3/2021 âm lịch thì ngưng không đóng tiếp. Bà L2 còn nợ tiền hụi chết chưa đóng từ tháng 4/2021 âm lịch đến mãn hụi tháng 02/2022 âm lịch là 11 tháng x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng.

Đối với phần hụi thứ ba, đến tháng 6/2020 bà đình hụi nên bà đã trả lại cho bà L2 số tiền hụi đóng được 13 lần với số tiền 39.000.000 đồng, không ai nợ ai phần hụi này.

Tổng cộng hai phần hụi nói trên, bà L2 còn nợ tiền hụi chưa đóng là 66.000.000 đồng. Sau khi Tổ hòa giải áp 5, xã Nguyễn Phích hòa giải thì bà L2 trả cho bà được 03 tháng với số tiền 18.000.000 đồng. Do đó, bà L1 khởi kiện yêu cầu bà L2 cùng chồng là ông Phạm Văn K có nghĩa vụ trả cho bà tiền hụi còn nợ là 48.000.000 đồng.

*- Theo bà Dư Mỹ L2 trình bày:*

Bà L2 thừa nhận có tham gia 03 phần hụi như bà L1 trình bày. Đối với 02 phần hụi bà đã hốt, sau khi trừ cân bà còn nợ tiền hụi của bà L1 là 11 tháng với số tiền 66.000.000 đồng. Sau khi Tổ hòa giải áp 5, xã Nguyễn Phích hòa giải thì bà trả cho bà L1 tiền hụi được 03 tháng với số tiền 18.000.000 đồng; hiện bà còn nợ bà L1 02 phần hụi nói trên với số tiền 48.000.000 đồng. Bà không thống nhất trả toàn bộ số tiền hụi còn nợ cho bà L1 một lần, bà đồng ý trả số tiền hụi nói trên cho bà L1 như thỏa thuận tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải áp 5, xã Nguyễn Phích là trả hàng tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng.

*- Theo ông Phạm Văn K trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của vợ ông là bà L2, ông đồng ý cùng với bà L2 trả số tiền hụi còn thiếu cho bà L1 như thỏa thuận tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải áp 5, xã Nguyễn Phích là trả hàng tháng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi trả xong số tiền hụi còn thiếu 48.000.000 đồng.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1. Buộc bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K có nghĩa vụ trả cho bà L1 số tiền hụi còn nợ là 48.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 25/8/2022, bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận cho bà L2 trả hàng tháng 6.000.000 đồng theo như đã thỏa thuận; không chấp nhận yêu cầu của bà L1 buộc ông K có trách nhiệm liên đới với bà L2 trả số tiền 48.000.000 đồng; xem xét miễn, giảm án phí cho bà L2, ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà L2, ông K, bà L1 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc giao dịch hụi giữa bà L1 với bà L2 là có thực tế xảy ra, được các đương sự thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà L1 và bà L2 trình bày thống nhất với nhau: Bà L2 có tham gia 03 phần hụi, loại hụi 3.000.000 đồng do bà L1 làm chủ hụi, mở ngày 28/6/2019 âm lịch. Bà L2 đã hót phần hụi thứ nhất và thứ hai; sau khi hót hụi, bà L2 đóng lại hụi chết cho bà L1 hai phần hụi trên còn nợ mỗi phần là 11 kỳ x 02 phần x 3.000.000 đồng = 66.000.000 đồng. Sau khi Tổ hòa giải ấp 5, xã Nguyễn Phích hòa giải, bà L2 đã thanh toán cho bà L1 được số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ lại 48.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L2 trả cho bà L1 số tiền 48.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với kháng cáo của bà L2 và ông K yêu cầu mỗi tháng trả 6.000.000 đồng: Về phương thức trả nợ, việc bà L2 phải trả cho bà L1 đối với số tiền 48.000.000 đồng nêu trên là trả một lần hay mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đây là thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, Tòa án không có thẩm quyền quyết định. Do đó, kháng cáo của bà L2 và ông K về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của bà L2 và ông K không chấp nhận yêu cầu bà L1 về việc buộc ông K có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L1: Bà L2 và ông K có mối quan hệ là vợ chồng, hiện nay hôn nhân vẫn còn đang tồn tại. Việc bà L2 tham gia chơi hụi và phát sinh nợ trong thời kỳ hôn nhân, mục đích chơi hụi để phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình.

Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “ Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”. Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “... 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...”.

[4] Hơn nữa, tại cấp sơ thẩm ông K cũng thừa nhận việc bà L2 nợ tiền hụi của bà L1, ông cũng thống nhất trả cho bà L1 như thỏa thuận tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp 5, xã Nguyễn Phích mỗi tháng 6.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K có trách nhiệm liên đới với bà L2 trả nợ cho bà L1 là đúng pháp luật; kháng cáo của bà L2 và ông K đối với nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bà L2 và ông K yêu cầu xem xét miễn, giảm án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L1 được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L2 và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định. Bà L2 và ông K kháng cáo yêu cầu xem xét miễn, giảm án phí nhưng không có đơn xin miễn, giảm nên không có căn cứ để miễn, giảm cho bà L2 và ông K. Do đó, kháng cáo của bà L2 và ông K đối với phần nội dung này không được chấp nhận.

[6] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L2 và ông K phải chịu theo quy định, đã dự nộp được đối trừ chuyên thu án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1.

Buộc bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L1 số tiền hụi còn nợ là 48.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bà L1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà L2 và ông K còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K phải chịu 2.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí, ngày 17/3/2022, bà L1 đã dự nộp 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0010360 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dư Mỹ L2 và ông Phạm Văn K mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 25/8/2022, bà L2 và ông K mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010662, 0010661 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**